THỎA THUẬN
GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO
VỀ
QUY TRÌNH THÍ ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỬ DỤNG NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DO CHÍNH PHỦ LÀO ĐẢM NHẬN CÓ SỰ PHỐI HỢP CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM ÁP DỤNG RIÊNG CHO DỰ ÁN TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HỮU NGHỊ A-NU-VÔNG TẠI TỈNH XAY-SỐM-BUN

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, sau đây gọi tắt là hai Bên;

Căn cứ Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về Quy chế tài chính và quản lý sử dụng vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào ký ngày 12 tháng 12 năm 2011 (sau đây gọi tắt là Quy chế tài chính);

Nhằm tăng cường tính chủ động của Chính phủ Lào trong việc tiếp nhận, triển khai các chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào, góp phần thúc đẩy và mở rộng quan hệ hợp tác giữa hai nước, hai Bên thỏa thuận như sau:

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Quy trình này áp dụng riêng cho Dự án Trường Trung học phổ thông hữu nghị A-nu-vông tại tỉnh Xay-sốm-bun.

2. Giải thích từ ngữ.

Trong thỏa thuận này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. "Vốn viện trợ" là các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào được ghi trong Hiệp định hợp tác song phương hàng năm.

2.2. "Chủ dự án Lào" là một Bộ, ngành, địa phương hoặc các đơn vị nhà nước được Chính phủ Lào giao nhiệm vụ thực hiện, tiếp nhận và quản lý dự án sử dụng vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào.

2.3. "Ngân hàng phục vụ" là một ngân hàng được lựa chọn trong danh sách các ngân hàng đủ tiêu chuẩn tại Lào để ủy quyền thực hiện việc giao dịch đối ngoại phục vụ dự án.

3. Các tài liệu do Chủ dự án Lào lập gửi các cơ quan liên quan phía Lào và Việt Nam bằng ngôn ngữ tiếng Lào và tiếng Việt, có giá trị như nhau.

Phần II

QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

1. Sau khi bản Thỏa thuận này có hiệu lực, Chủ dự án Lào lập Ban quản lý dự án để lập Báo cáo đầu tư xây dựng công trình (Báo cáo nghiên cứu khả thi). Nội dung giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng căn cứ theo khoản 2 (từ 2.1 đến 2.6) và khoản 3, Điều 11 của Quy chế tài chính. Tổng mức đầu tư xây dựng công trình được tính bằng đồng Kíp Lào (LAK).

2. Sau khi hoàn thành Báo cáo đầu tư xây dựng công trình, Chủ dự án phía Lào gửi 02 bộ hồ sơ Dự án đầu tư xây dựng công trình (gồm: Tờ trình lấy ý kiến tham gia về dự án; phần thuyết minh, thiết kế cơ sở của Dự án và các văn bản pháp lý liên quan) tới Ủy ban hợp tác Lào-Việt Nam để lấy ý kiến tham gia bằng văn bản của các cơ quan liên quan của phía Lào.

Ủy ban hợp tác Lào-Việt Nam có công thư gửi kèm Hồ sơ Dự án đầu tư xây dựng công trình tới Ủy ban hợp tác Việt Nam-Lào để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan của Việt Nam.

3. Trong 20 ngày làm việc từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ dự án từ Ủy ban hợp tác Lào- Việt Nam, Ủy ban hợp tác Việt Nam-Lào sẽ có công thư gửi Ủy ban hợp tác Lào-Việt Nam góp ý kiến đối với dự án.

4. Văn phòng Ủy ban hợp tác Lào-Việt Nam tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan phía Lào, Việt Nam gửi ý kiến tổng hợp chung tới Chủ dự án phía Lào để hoàn chỉnh Hồ sơ Dự án đầu tư xây dựng công trình và trình các cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ Lào thẩm định, ra quyết định đầu tư và cấp Giấy phép xây dựng công trình.

5. Sau khi Chính phủ Lào có quyết định phê duyệt dự án, Chủ dự án, Ban quản lý dự án phía Lào tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình, bao gồm cả việc đấu thầu, ký kết hợp đồng thực hiện dự án với nhà thầu; khi kết thúc dự án tiến hành nghiệm thu, bàn giao, quyết toán dự án theo quy định hiện hành của Chính phủ Lào.

Phần III

QUY TRÌNH MỞ TÀI KHOẢN VÀ CÁCH THANH TOÁN VỐN

1. Lựa chọn Ngân hàng phục vụ và mở tài khoản.

1.1. Ngân hàng phục vụ do Bộ Tài chính Lào chấp thuận có sự thống nhất với Ủy ban hợp tác Lào-Việt Nam và Chủ dự án Lào.

1.2. Ngân hàng phục vụ mở một Tài khoản đặc biệt (TKĐB) do Bộ Tài chính Lào làm chủ tài khoản để phục vụ chi tiêu của dự án, Ngân hàng phục vụ có trách nhiệm thanh toán từ tài khoản theo quy định của phía Lào, cung cấp chủ tài khoản sao kê tài khoản dự án định kỳ hàng tháng và khi có yêu cầu.

2. Mục đích sử dụng và nguyên tắc quản lý TKĐB.

2.1. Để đảm bảo việc giải ngân từ TKĐB được nhanh chóng, chủ TKĐB không mở thêm TKĐB cấp 2, cơ quan quản lý TKĐB có trách nhiệm giải ngân vốn từ TKĐB trực tiếp cho các khoản chi tiêu của dự án.

2.2. Không sử dụng vốn viện trợ được ứng vào TKĐB cho các chi tiêu không hợp lệ của dự án, hoặc các nội dung chi khác không thuộc dự án. Vốn viện trợ chỉ được giải ngân khi có nhu cầu chi tiêu hợp lệ được xác nhận của dự án.

2.3. Trường hợp phát hiện các khoản chi sai mục đích từ TKĐB, phía Lào có trách nhiệm thu hồi lại các khoản chi đó để chuyển trả TKĐB hoặc chuyển trả phía Việt Nam nếu TKĐB đã đóng (sau khi hết hạn giải ngân).

3. Quy trình thanh toán.

3.1. Tạm ứng vốn vào Tài khoản đặc biệt.

Căn cứ kế hoạch triển khai dự án và kế hoạch năm đầu được hai bên thống nhất, Bộ Tài chính Lào có công thư gửi Bộ Tài chính Việt Nam đề nghị chuyển tiền tạm ứng lần đầu vào TKĐB. Số tiền tạm ứng lần đầu tối đa bằng 50% kế hoạch vốn được bố trí năm đầu cho dự án.

Bộ Tài chính Việt Nam cấp kinh phí tạm ứng đồng USD theo tỷ giá bán chuyển khoản của Ngân hàng phục vụ tại thời điểm giao dịch.

3.2. Đề nghị Thanh toán từ Tài khoản đặc biệt.

3.2.1. Thực hiện thanh toán từ TKĐB trên nguyên tắc: đảm bảo các khoản chi đúng mục tiêu, đúng hợp đồng, đúng định mức, đúng đơn giá trên cơ sở khối lượng hoàn thành được nghiệm thu hoặc mức tạm ứng hợp lệ theo quy định của hợp đồng. Mức tạm ứng cho một hợp đồng không vượt quá 30% giá trị hợp đồng đó.

3.2.2. Hồ sơ thanh toán bao gồm những nội dung và tài liệu chủ yếu sau:

- Hồ sơ dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quyết định phê duyệt dự án.

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Nghị định đấu thầu Lào.

- Hợp đồng kinh tế giữa Chủ đầu tư với nhà thầu.

- Dự toán và Quyết định phê duyệt dự toán.

- Giấy đề nghị tạm ứng hoặc thanh toán vốn do Chủ dự án Lào lập gửi cơ quan cấp vốn.

3.2.3. Khi có nhu cầu thanh toán, Chủ dự án phía Lào lập bộ hồ sơ thanh toán theo quy định tại điểm 3.2.2 để đề nghị giải ngân từ TKĐB cho các khoản chi tiêu hợp lệ. Cơ quan quản lý tài chính phía Lào (Bộ Tài chính) kiểm tra và thanh toán cho các chi tiêu của dự án từ TKĐB.

3.2.4. Phía Lào tổ chức kiểm tra chi tiêu căn cứ theo quy định quản lý tài chính của Lào và Thỏa thuận này, đảm bảo các khoản chi đúng quy định, có đầy đủ hoá đơn, chứng từ. Không sử dụng nguồn vốn của dự án được tạm ứng vào TKĐB để chi tiêu cho những nội dung khác không hợp lệ hoặc không thuộc dự án.

3.3. Chuyển tiền vào Tài khoản đặc biệt.

Bộ Tài chính Lào gửi Bộ Tài chính Việt Nam đơn rút vốn bổ sung kèm theo bảng kê các khoản đã thanh toán cùng các tài liệu sau (kèm theo bản dịch tiếng Việt):

- Hợp đồng (mỗi hợp đồng có mã số, chỉ gửi một lần).

- Sao kê của Ngân hàng chứng minh việc đã thanh toán cho nhà thầu.

- Công văn đề nghị thanh toán của nhà thầu.

- Chứng từ kiểm soát chi của Bộ Tài chính Lào hoặc công văn đồng ý cho giải ngân của Bộ Tài chính Lào.

Căn cứ vào đề nghị của Bộ Tài chính Lào, Bộ Tài chính Việt Nam thực hiện chuyển tiền bổ sung vào TKĐB. Trị giá tiền bổ sung vào TKĐB của từng lần rút vốn bằng 100% trị giá đề nghị rút vốn bổ sung cho đến khi phần vốn còn lại chưa chuyển vào TKĐB bằng giá trị tạm ứng lần đầu vào TKĐB. Sau thời điểm này, giá trị bổ sung từng lần vào TKĐB bằng 50% trị giá đề nghị rút vốn bổ sung.

4. Tất toán Tài khoản.

Sau khi kết thúc thời hạn giải ngân, Bộ Tài chính Lào gửi công thư cho Bộ Tài chính Việt Nam để tất toán tài khoản cùng bảng kê chi tiêu kèm theo chứng từ liên quan của đợt giải ngân cuối, đảm bảo mọi khoản chi từ TKĐB đều phải có hoá đơn, chứng từ. Kinh phí còn dư trên TKĐB hoặc các khoản chi không có chứng từ hợp lệ được chuyển trả cho phía Việt Nam, vào tài khoản do phía Việt Nam thông báo.

5. Báo cáo.

5.1. Định kỳ 6 tháng, Ban quản lý dự án lập báo cáo về tiến độ thực hiện và việc sử dụng nguồn vốn trên TKĐB gửi Chủ dự án phía Lào, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và hai Ủy ban hợp tác hai nước làm căn cứ theo dõi, giám sát.

5.2. Sau khi tất toán tài khoản, Chủ dự án phía Lào có trách nhiệm lập báo cáo kết thúc dự án, đánh giá hoàn thành dự án, so sánh các kết quả đã đạt được với các mục tiêu ban đầu của dự án, tình hình sử dụng kinh phí viện trợ và vốn đối ứng chuyển cho Bộ Tài chính Lào. Sau khi xem xét, Bộ Tài chính Lào tổng hợp và gửi cho Ủy ban hợp tác Lào-Việt Nam, Ủy ban hợp tác Việt Nam-Lào, đồng gửi cho Bộ Tài chính Việt Nam (để báo cáo kinh phí viện trợ) để các cơ quan trên tổng hợp vào trong báo cáo tình hình thực hiện dự án trình Thủ tướng Chính phủ hai nước.

6. Quyết toán.

6.1. Quyết toán tài chính.

Hàng năm, Chủ dự án Lào lập quyết toán dự án theo quy định hiện hành của Lào, gửi Bộ Tài chính Lào để xem xét, phê duyệt. Sau khi phê duyệt quyết toán năm tài chính của dự án, Bộ Tài chính Lào gửi Bộ Tài chính Việt Nam để quyết toán kinh phí viện trợ cho Chính phủ Lào.

6.2 .Quyết toán hoàn thành dự án.

Sau khi dự án hoàn thành, Chủ dự án lập quyết toán hoàn thành dự án theo quy định của Lào gửi Bộ Tài chính Lào để xem xét, phê duyệt. Sau khi duyệt quyết toán hoàn thành dự án, Bộ Tài chính Lào gửi Bộ Tài chính Việt Nam.

7. Giám sát, kiểm toán.

7.1. Ủy ban hợp tác hai nước có thể độc lập, hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc kiểm tra, thanh tra định kỳ (6 tháng 1 lần) hoặc đột xuất đối với dự án.

7.2. Định kỳ hàng năm và sau khi kết thúc dự án, trên cơ sở thống nhất với phía Việt Nam, phía Lào lựa chọn tổ chức kiểm toán quốc tế độc lập để kiểm toán việc sử dụng TKĐB và gửi các báo cáo kiểm toán cho Bộ Tài chính Việt Nam và Ủy ban hợp tác Việt Nam-Lào để theo dõi. Báo cáo kiểm toán cuối cùng được gửi cho phía Việt Nam không muộn hơn 6 tháng sau khi kết thúc dự án.

Kinh phí kiểm toán được lấy từ nguồn kinh phí viện trợ của dự án, được xác định trong dự toán được phê duyệt.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thỏa thuận này có hiệu lực từ ngày ký, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, hai Bên sẽ nhóm họp cùng bàn biện pháp tháo gỡ để dự án triển khai được thuận lợi, thành công. Hiệu lực Thỏa thuận chấm dứt khi Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, hoàn tất các thủ tục thanh quyết toán và công trình hết thời hạn bảo hành.

Thỏa thuận này làm tại Thủ đô Viêng Chăn, ngày 27 tháng 12 năm 2015 thành hai (02) bản bằng tiếng Việt và tiếng Lào, cả 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**
NGUYỄN CHÍ DŨNG **Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,** **Phó Chủ tịch Ủy ban hợp tác Việt Nam - Lào**	**KHĂM-PHỚI KẸO-KIN-NA-LY** **Phó Chủ tịch Ủy ban hợp tác** **Lào - Việt Nam**

ຂໍ້ຕົກລົງ

ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສສ ຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສປປ ລາວ

ກ່ຽວກັບ
ລະບຽບການທົດລອງປະຕິບັດໂຄງການລົງທຶນກໍ່ສ້າງ ທີ່ນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ ຂອງລັດຖະບານຫວຽດນາມ ເຊິ່ງແມ່ນລັດຖະບານລາວ ເປັນຜູ້ຮັບຜິດຊອບປະຕິບັດ ໂດຍມີການປະສານສົມທົບກັບ ລັດຖະບານຫວຽດນາມ ໃຊ້ສະເພາະໂຄງການ ກໍ່ສ້າງໂຮງຮຽນມັດທະຍົມສົມບູນມິດຕະພາບອານຸວົງ, ແຂວງໄຊສົມບູນ

ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ, ຕໍ່ໄປນີ້ເອີ້ນຫຍໍ້ວ່າ ສອງຝ່າຍ;

ອີງຕາມຂໍ້ຕົກລົງ ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານ ແຫ່ງ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ກ່ຽວກັບ ລະບຽບການເງິນ ແລະ ການຄຸ້ມຄອງການນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ ຂອງລັດຖະບານຫວຽດນາມ ໃຫ້ແກ່ລັດຖະບານລາວ ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນ ໃນວັນທີ 12 ເດືອນ 12 ປີ 2011 (ຕໍ່ໄປນີ້ເອີ້ນຫຍໍ້ວ່າ ລະບຽບການເງິນ).

ເພື່ອເພີ່ມທະວີຄວາມເປັນເຈົ້າການ ຂອງ ລັດຖະບານລາວ ໃນການຮັບ ແລະ ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດບັນດາ ກິດຈະການ, ໂຄງການທີ່ນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ ຂອງລັດຖະບານຫວຽດນາມ ໃຫ້ແກ່ລັດຖະບານລາວ, ປະກອບ ສ່ວນຊຸກຍູ້ ແລະ ເປີດກ້ວາງການພົວພັນຮ່ວມມື ລະຫວ່າງ ສອງປະເທດ, ສອງຝ່າຍ ໄດ້ຕົກລົງກັນ ດັ່ງລຸ່ມນີ້:

ພາກທີ I
ຂໍ້ກຳນົດທົ່ວໄປ

1. ລະບຽບການນີ້ ແມ່ນໃຊ້ສະເພາະໂຄງການກໍ່ສ້າງໂຮງຮຽນມັດທະຍົມສົມບູນມິດຕະພາບອານຸວົງ, ແຂວງ ໄຊສົມບູນ.

2. ການອະທິບາຍຄຳສັບ.

ຄຳສັບຕ່າງໆ ທີ່ໄດ້ໃຊ້ໃນຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ ມີຄວາມໝາຍ ດັ່ງນີ້:

2.1. "ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ" ໝາຍເຖິງທຶນຊ່ວຍເຫຼືອລ້ຳ ຈາກລັດຖະບານຫວຽດນາມ ໃຫ້ແກ່ລັດຖະບານລາວ ເຊິ່ງ ໄດ້ລະບຸໄວ້ໃນສັນຍາ ວ່າດ້ວຍການຮ່ວມມືທະວິພາຄີປະຈຳປີ.

2.2. "ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ" ໝາຍເຖິງບັນດາກະຊວງ, ຂະແໜງການ, ທ້ອງຖິ່ນ ຫຼື ອົງການຈັດຕັ້ງລັດ ທີ່ໄດ້ຮັບການມອບໝາຍຈາກລັດຖະບານລາວ ໃຫ້ເປັນຜູ້ຮັບ ແລະ ຄຸ້ມຄອງໂຄງການທີ່ນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອລ້ຳ ຂອງ ລັດຖະບານຫວຽດນາມ ໃຫ້ແກ່ລັດຖະບານລາວ.

2.3. "ທະນາຄານໃຫ້ບໍລິການ" ແມ່ນທະນາຄານໃດໜຶ່ງ ທີ່ດຳເນີນທຸລະກິດຖືກຕ້ອງ ຕາມກົດໝາຍ ຢູ່ ສປປ ລາວ, ໄດ້ຮັບການຄັດເລືອກເພື່ອໃຫ້ການບໍລິການ ດ້ານການເງິນແກ່ໂຄງການ.

3. ບັນດາເອກະສານໂຄງການ ແມ່ນເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ ເປັນຜູ້ສ້າງ ແລະ ນຳສົ່ງໃຫ້ບັນດາອົງການ ທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງລາວ ແລະ ຫວຽດນາມ ດ້ວຍພາສາລາວ ແລະ ພາສາຫວຽດ ມີຄຸນຄ່າເທົ່າທຽມກັນ.

ພາກທີ II
ການຄຸ້ມຄອງການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ

1. ພາຍຫຼັງ ຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້, ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ ແຕ່ງຕັ້ງຄະນະຄຸ້ມຄອງໂຄງການ ເພື່ອເຮັດໜ້າທີ່ສ້າງບົດລາຍງານການລົງທຶນກໍ່ສ້າງກິດຈະການ (ບົດລາຍງານການສຶກສາຄວາມເປັນໄປໄດ້). ເນື້ອໃນ ໄລຍະການກະກຽມໂຄງການລົງທຶນກໍ່ສ້າງ ແມ່ນອີງຕາມຂໍ້ 2 (ແຕ່ຂໍ້ 2.1 ຫາຂໍ້ 2.6) ແລະ ຂໍ້ 3, ມາດຕາ 11 ຂອງລະບຽບການເງິນ. ມູນຄ່າການລົງທຶນກໍ່ສ້າງກິດຈະການທັງໝົດ ແມ່ນຄິດໄລ່ເປັນສະກຸນເງິນກີບລາວ (LAK).

2. ເມື່ອສຳເລັດການສ້າງບົດລາຍງານການລົງທຶນກໍ່ສ້າງໂຄງການ, ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ ນຳສົ່ງເອກະ ສານດັ່ງກ່າວ 2 ຊຸດ (ລວມມີ: ໜັງສືຂໍການປະກອບຄຳເຫັນຕໍ່ເອກະສານໂຄງການ; ບົດອະທິບາຍ, ການອອກແບບ ເບື້ອງຕົ້ນຂອງໂຄງການ ແລະ ບັນດາເອກະສານນິຕິກຳທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ) ໃຫ້ແກ່ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມື ລາວ-ຫວຽດນາມ ເພື່ອປະກອບຄຳເຫັນເປັນລາຍລັກອັກສອນ ຈາກບັນດາອົງການທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງຝ່າຍລາວ.

ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມື ລາວ-ຫວຽດນາມ ເຮັດໜັງສືທາງການ ຄັດຕິດເອກະສານໂຄງການລົງທຶນ ກໍ່ສ້າງ ກິດຈະການ ເຖິງຄະນະກຳມະການຮ່ວມມື ຫວຽດນາມ-ລາວ ເພື່ອຂໍຄຳເຫັນຈາກບັນດາອົງການ ທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ຂອງ ຫວຽດນາມ.

3. ພາຍຫລັງໄດ້ຮັບເອກະສານໂຄງການຄົບຖ້ວນ, ໃນກຳນົດເວລາ 20 ວັນລັດຖະການ, ຄະນະກຳມະການ ຮ່ວມມື ຫວຽດນາມ-ລາວ ຕ້ອງສົ່ງບົດປະກອບຄຳເຫັນຕໍ່ເອກະສານໂຄງການ ໃຫ້ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມື ລາວ-ຫວຽດນາມ.

4. ຫ້ອງການຄະນະກຳມະການຮ່ວມມື ລາວ-ຫວຽດນາມ ສັງລວມຄຳເຫັນຂອງພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ຂອງ ຝ່າຍລາວ ແລະ ຫວຽດນາມ ສົ່ງໃຫ້ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ ເພື່ອປັບປຸງເອກະສານໂຄງການລົງທຶນກໍ່ສ້າງ ກິດຈະການ ໃຫ້ສົມບູນ ແລະ ນຳສະເໜີຕໍ່ບັນດາອົງການທີ່ມີສິດອຳນາດ ຂອງລັດຖະບານລາວ ປະເມີນຜົນ, ອອກ ຂໍ້ຕົກລົງອະນຸມັດຮັບຮອງໂຄງການ ແລະ ອອກໃບອະນຸຍາດກໍ່ສ້າງໂຄງການ.

5. ພາຍຫຼັງ ລັດຖະບານລາວ ອອກຂໍ້ຕົກລົງອະນຸມັດຮັບຮອງໂຄງການແລ້ວ, ເຈົ້າຂອງໂຄງການ, ຄະນະ ຄຸ້ມຄອງໂຄງການຝ່າຍລາວ ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການລົງທຶນກໍ່ສ້າງກິດຈະການ, ລວມມີທັງການປະມູນ, ການເຊັນ ສັນຍາປະຕິບັດໂຄງການກັບຜູ້ຮັບເໝົາ; ເມື່ອສຳເລັດໂຄງການ ດຳເນີນການກວດກາ, ມອບ-ຮັບ, ຊຳລະບັນຊີຂາດ ຕົວຂອງໂຄງການ ຕາມຂໍ້ກຳນົດຂອງລັດຖະບານລາວ.

ພາກທີ III

ການເປີດບັນຊີ ແລະ ການເບີກຈ່າຍເງິນ

1. **ຄັດເລືອກທະນາຄານໃຫ້ການບໍລິການ ແລະ ເປີດບັນຊີ.**

1.1. ທະນາຄານໃຫ້ການບໍລິການ ແມ່ນກະຊວງການເງິນຂອງລາວ ເປັນຜູ້ຕົກລົງບົນພື້ນຖານ ເປັນເອກະພາບ ກັບຄະນະກຳມະການຮ່ວມມື ລາວ - ຫວຽດນາມ ແລະ ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ.

1.2. ທະນາຄານໃຫ້ການບໍລິການ ເປີດບັນຊີສະເພາະໃຫ້ກະຊວງການເງິນລາວ ທີ່ເປັນເຈົ້າຂອງບັນຊີ ເພື່ອຮັບ ໃຊ້ເບີກຈ່າຍໃຫ້ແກ່ໂຄງການ, ທະນາຄານ ໃຫ້ການບໍລິການ ມີໜ້າທີ່ຊຳລະຕາມການສະເໜີ ຖືກຕາມລະບຽບການ ຂອງຝ່າຍລາວ ລວມທັງສະໜອງຂໍ້ມູນການເຄື່ອນໄຫວຂອງບັນຊີ (ສະບັບສຳເນົາ) ໃຫ້ແກ່ເຈົ້າຂອງບັນຊີ ໃນແຕ່ລະ ເດືອນ ແລະ ເມື່ອມີຄວາມຕ້ອງການ.

2. **ຈຸດປະສົງການນຳໃຊ້ ແລະ ຫຼັກການຄຸ້ມຄອງບັນຊີສະເພາະ.**

2.1. ເພື່ອຮັບປະກັນການເບີກຈ່າຍເງິນຈາກບັນຊີສະເພາະ ໃຫ້ໄດ້ຢ່າງວ່ອງໄວ, ເຈົ້າຂອງບັນຊີສະເພາະຈະບໍ່ ເປີດບັນຊີຍ່ອຍຕື່ມອີກ; ກະຊວງການເງິນ ດຳເນີນການເບີກຖອນເງິນຈາກບັນຊີສະເພາະ ໃຫ້ແກ່ຮ່ວງໃຊ້ຈ່າຍຕ່າງໆ ຂອງໂຄງການ.

2.2. ຫ້າມນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອທີ່ໄດ້ໂອນລ່ວງໜ້າ ເຂົ້າບັນຊີສະເພາະ ເພື່ອໃຊ້ຈ່າຍໂດຍບໍ່ຖືກຕ້ອງຕາມເນື້ອໃນ ໂຄງການ ຫຼື ເນື້ອໃນການໃຊ້ຈ່າຍອື່ນໆ ທີ່ບໍ່ຂຶ້ນກັບໂຄງການ. ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອຈະໄດ້ຮັບການເບີກຖອນ ໃນເມື່ອມີ ຄວາມຕ້ອງການນຳໃຊ້ ໂດຍຖືກຕ້ອງຕາມລະບຽບການຄຸ້ມຄອງການເງິນ.

2.3. ໃນກໍລະນີພົບເຫັນການໃຊ້ຈ່າຍຕ່າງໆ ທີ່ບໍ່ຖືກຕ້ອງຕາມຈຸດປະສົງ ຂອງບັນຊີສະເພາະ, ຝ່າຍລາວມີໜ້າທີ່ ຮັບຜິດຊອບເກັບກູ້ ຈຳນວນເງິນດັ່ງກ່າວເຂົ້າໃນບັນຊີສະເພາະຄືນ ຫຼື ສົ່ງຄືນໃຫ້ຝ່າຍຫວຽດນາມ ຖ້າບັນຊີສະເພາະ ໄດ້ປິດ (ພາຍຫຼັງໝົດກຳນົດເບີກຈ່າຍ).

3. **ຂັ້ນຕອນການຊຳລະ.**

3.1. ການເບີກຖອນເງິນລ່ວງໜ້າເຂົ້າບັນຊີສະເພາະ.

ອີງຕາມແຜນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ ແລະ ແຜນການປີທຳອິດທີ່ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບ, ກະຊວງການ ເງິນຂອງລາວ ດຳເນີນຂັ້ນຕອນສົ່ງໜັງສືສະເໜີ ເຖິງກະຊວງການເງິນຫວຽດນາມ ເພື່ອຂໍເບີກຖອນເງິນລ່ວງໜ້າ. ຈຳນວນເງິນ ຂໍເບີກຖອນລ່ວງໜ້າສູງສຸດແມ່ນ 50 % ຂອງແຜນທຶນທີ່ໄດ້ຈັດສັນ ໃນປີທຳອິດໃຫ້ແກ່ໂຄງການ.

ກະຊວງການເງິນຫວຽດນາມ ດຳເນີນການໂອນເງິນລ່ວງໜ້າ ເປັນເງິນໂດລາສະຫະລັດ ຕາມອັດຕາການຂາຍ ຂອງທະນາຄານ ໃຫ້ການບໍລິການໃນມື້ໂອນ.

3.2. ການສະເໜີຂໍເບີກຈ່າຍເງິນຈາກບັນຊີສະເພາະ.

3.2.1. ປະຕິບັດການຊຳລະຈາກບັນຊີສະເພາະ ຕາມຫຼັກການ: ຮັບປະກັນບັນດາຮ່ວງລາຍຈ່າຍຕ່າງໆ ໃຫ້ຖືກ ຕ້ອງຕາມເປົ້າໝາຍ, ສັນຍາ, ກຳນົດໝາຍ ແລະ ລາຄາຫົວໜ່ວຍ ບົນພື້ນຖານບໍລິມາດໜ້າວຽກທີ່ສຳເລັດ ແລະ ໄດ້ຮັບການກວດກາປະເມີນຜົນ ຫຼື ມູນຄ່າທີ່ເບີກຖອນລ່ວງໜ້ານັ້ນ ຖືກຕ້ອງຕາມຂໍ້ກຳນົດຂອງສັນຍາ. ມູນຄ່າທີ່ ເບີກຖອນລ່ວງໜ້າ ສຳລັບສັນຍາໜຶ່ງ ແມ່ນບໍ່ເກີນ 30% ຂອງມູນຄ່າສັນຍານັ້ນ.

3.2.2. ເອກະສານການຊຳລະສະສາງ ລວມມີບັນດາເນື້ອໃນ ແລະ ເອກະສານຕົ້ນຕໍ ດັ່ງລຸ່ມນີ້:

- ເອກະສານຂອງໂຄງການລົງທຶນກໍ່ສ້າງກິດຈະການ;

- ຂໍ້ຕົກລົງອະນຸມັດຮັບຮອງເອົາໂຄງການ;

- ເອກະສານຄັດເລືອກຜູ້ຮັບເໝົາ ຕາມຂໍ້ກຳນົດຂອງລັດຖະບານ ວ່າດ້ວຍການຈັດຊື້ ຂອງ ສປປ ລາວ;

- ສັນຍາ ລະຫວ່າງ ເຈົ້າຂອງໂຄງການ ກັບ ຜູ້ຮັບເໝົາ;

- ການຄາດຄະເນມູນຄ່າໂຄງການ ແລະ ຂໍ້ຕົກລົງອະນຸມັດຮັບຮອງເອົາມູນຄ່າໂຄງການ;

- ໜັງສືສະເໜີຂໍເບີກຖອນ ຫຼື ສະສາງເງິນລ່ວງໜ້າ ຂອງເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ.

3.2.3. ໃນເມື່ອມີຄວາມຕ້ອງການເບີກຈ່າຍເງິນ, ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ ຕ້ອງປະກອບເອກະສານ ຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ໃນຂໍ້ 3.2.2 ເພື່ອນຳສະເໜີຂໍເບີກຈ່າຍເງິນ ຈາກບັນຊີສະເພາະ ໃຫ້ແກ່ຮ່ອງລາຍຈ່າຍຕ່າງໆ. ກະຊວງ ການເງິນລາວ ກວດກາ ແລະ ດຳເນີນການເບີກຈ່າຍເງິນໃຫ້ແກ່ໂຄງການ ຈາກບັນຊີສະເພາະ.

3.2.4. ຝ່າຍລາວ ຈັດຕັ້ງການກວດກາການໃຊ້ຈ່າຍ ໂດຍອີງຕາມລະບຽບການຄຸ້ມຄອງການເງິນຂອງລາວ ແລະ ຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້, ຮັບປະກັນຮ່ອງລາຍຈ່າຍຕ່າງໆ ຖືກຕ້ອງຕາມຂໍ້ກຳນົດ, ມີໜັງສືຢັ້ງຢືນການໃຊ້ຈ່າຍຢ່າງຄົບຊຸດ. ຫ້າມນຳໃຊ້ເງິນທຶນຂອງໂຄງການໃນບັນຊີສະເພາະ ເພື່ອໃຊ້ຈ່າຍໄປໃນທາງອື່ນໆ ໂດຍບໍ່ຖືກຕ້ອງຕາມລະບຽບຫຼັກ ການ ຫຼື ບໍ່ນອນຢູ່ໃນໂຄງການ.

3.3. ການຄ່ຽນເງິນເຂົ້າບັນຊີສະເພາະ.

ກະຊວງການເງິນຂອງລາວ ສົ່ງໜັງສືສະເໜີເຖິງກະຊວງການເງິນຫວຽດນາມ ຂໍຄ່ຽນເງິນເພີ່ມ ໂດຍຄັດຕິດ ຕາຕະລາງສະຫຼຸບລາຍຈ່າຍທີ່ໄດ້ຊຳລະ ພ້ອມດ້ວຍບັນດາເອກະສານລຸ່ມນີ້ (ຄັດຕິດສະບັບແປເປັນພາສາຫວຽດ ໄປ ພ້ອມ):

– ສັນຍາ (ແຕ່ລະສັນຍາ ມີເລກລະຫັດ, ນຳສົ່ງພຽງເທື່ອດຽວ);

– ສຳເນົາເອກະສານຢັ້ງຢືນຂອງທະນາຄານ ກ່ຽວກັບການຊຳລະໃຫ້ແກ່ຜູ້ຮັບເໝົາ;

– ໜັງສືສະເໜີຂໍຊຳລະຂອງຜູ້ຮັບເໝົາ;

– ໜັງສືຢັ້ງຢືນການກວດກາລາຍຈ່າຍ ຂອງກະຊວງການເງິນຂອງລາວ ຫຼື ໜັງສືເຫັນດີໃຫ້ເບີກຈ່າຍ ຂອງ ກະຊວງການເງິນຂອງລາວ.

ອີງຕາມການສະເໜີ ຂອງກະຊວງການເງິນລາວ, ກະຊວງການເງິນຫວຽດນາມ ຈະດຳເນີນການຄ່ຽນເງິນເຂົ້າ ບັນຊີສະເພາະ. ມູນຄ່າການຄ່ຽນເງິນແຕ່ລະງວດ ຈະເທົ່າກັບ 100% ຂອງມູນຄ່າສະເໜີຂໍຄ່ຽນເງິນເພີ່ມ. ເມື່ອ ຈຳນວນເງິນທີ່ຄ່ຽນເພີ່ມ ຫາກເທົ່າກັບຈຳນວນເງິນທີ່ໄດ້ເບີກຖອນລ່ວງໜ້າແລ້ວ, ຈະໄດ້ເລີ່ມຕົ້ນຂັ້ນຕອນການ ສະສາງ ໂດຍຝ່າຍຫວຽດນາມ ຈະຄ່ຽນເງິນໃຫ້ 50% ຂອງມູນຄ່າທີ່ຂໍຄ່ຽນແຕ່ລະຄັ້ງ.

4. ການສະສາງບັນຊີສະເພາະ.

ຫຼັງຈາກສຳເລັດການເບີກຖອນເງິນ, ກະຊວງການເງິນລາວ ນຳສົ່ງໜັງສືເຖິງກະຊວງການເງິນຫວຽດນາມ ເພື່ອ ສະສາງບັນຊີ ໂດຍຄັດຕິດຕາຕະລາງສະຫຼຸບລາຍຈ່າຍ ແລະ ໜັງສືຢັ້ງຢືນການໃຊ້ຈ່າຍ ທີ່ກ່ຽວຂ້ອງຂອງການເບີກ ຈ່າຍຄັ້ງສຸດທ້າຍ, ຮັບປະກັນທຸກຮ່ອງລາຍຈ່າຍຈາກບັນຊີສະເພາະ ຕ້ອງມີໜັງສືຢັ້ງຢືນຢ່າງຄົບຖ້ວນ. ທຶນທີ່ຍັງເຫຼືອ ໃນບັນຊີສະເພາະ ຫຼື ບັນດາຮ່ອງລາຍຈ່າຍ ທີ່ບໍ່ມີໜັງສືຢັ້ງຢືນຖືກຕ້ອງຕາມລະບຽບການ ແມ່ນຈະໄດ້ໂອນຄືນ ໃຫ້ຝ່າຍຫວຽດນາມ, ເຊິ່ງຝ່າຍຫວຽດນາມ ຈະແຈ້ງເລກບັນຊີໃຫ້ຊາບ.

5. ການລາຍງານ

5.1. ທຸກໆ 6 ເດືອນ, ຄະນະຄຸ້ມຄອງໂຄງການ ສ້າງບົດລາຍງານຄວາມຄືບໜ້າ ຂອງການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ ໂຄງການ ແລະ ການນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອໃນບັນຊີສະເພາະ ນຳສົ່ງໃຫ້ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ, ກະຊວງ ການເງິນ,

ກະຊວງແຜນການ ແລະ ການລົງທຶນ ແລະ ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມື ລະຫວ່າງ ສອງປະເທດ ເພື່ອເປັນບ່ອນອີງ ໃນການຕິດຕາມກວດກາ.

5.2. ພາຍຫຼັງສະສາງບັນຊີແລ້ວ, ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ ມີໜ້າທີ່ສ້າງບົດລາຍງານສຳເລັດໂຄງການ, ຕີລາຄາຜົນສຳເລັດຂອງໂຄງການ, ສົມທຽບ ລະຫວ່າງ ບັນດາໝາກຜົນທີ່ໄດ້ຮັບ ກັບບັນດາຄາດໝາຍເບື້ອງຕົ້ນຂອງໂຄງການ, ສະພາບການນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ ແລະ ທຶນສົມທົບ ນຳສົ່ງໃຫ້ກະຊວງການເງິນລາວ. ພາຍຫຼັງພິຈາລະນາແລ້ວ, ກະຊວງການເງິນຂອງລາວ ສັ່ງລວມສົ່ງໃຫ້ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມື ລາວ-ຫວຽດນາມ ແລະ ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມື ຫວຽດນາມ-ລາວ; ພ້ອມກັນນັ້ນ, ກໍ່ສົ່ງໃຫ້ກະຊວງການເງິນຫວຽດນາມ (ເພື່ອລາຍງານການນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ) ເພື່ອໃຫ້ບັນດາພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ສະຫຼຸບສັງລວມເຂົ້າໃນບົດລາຍງານສະພາບການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດໂຄງການ ຕໍ່ທ່ານນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ຂອງສອງປະເທດ.

6. **ການສະສາງຂາດຕົວຂອງບັນຊີໂຄງການ.**

6.1. ໃນການສະສາງຂາດຕົວບັນຊີຂອງໂຄງການ ຕາມປີງົບປະມານ.

ໃນແຕ່ລະປີ, ເຈົ້າຂອງໂຄງການຝ່າຍລາວ ປະກອບເອກະສານຕາມລະບຽບຄຸ້ມຄອງການເງິນຂອງລາວ, ນຳສົ່ງໃຫ້ກະຊວງການເງິນລາວ ເພື່ອພິຈາລະນາຮັບຮອງເອົາ. ຈາກນັ້ນ, ກະຊວງການເງິນລາວ ນຳສົ່ງໃຫ້ກະຊວງການເງິນຫວຽດນາມ ເພື່ອສະສາງຂາດຕົວການນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ ທີ່ໄດ້ສະໜອງໃຫ້ລັດຖະບານລາວ.

6.2. ການສະສາງຂາດຕົວ ພາຍຫຼັງໂຄງການສຳເລັດ.

ພາຍຫຼັງໂຄງການສຳເລັດ, ເຈົ້າຂອງໂຄງການຕ້ອງປະກອບເອກະສານສະສາງຂາດຕົວບັນຊີຂອງໂຄງການ ຕາມລະບຽບຄຸ້ມຄອງການເງິນລາວ ເພື່ອສົ່ງໃຫ້ກະຊວງການເງິນຂອງລາວ ພິຈາລະນາ, ຮັບຮອງ. ຈາກນັ້ນ ກະຊວງການເງິນລາວ ຈຶ່ງນຳສົ່ງເອກະສານດັ່ງກ່າວ ໃຫ້ກະຊວງການເງິນຫວຽດນາມ.

7. **ການຕິດຕາມ, ກວດສອບບັນຊີ:**

7.1. ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມືສອງປະເທດ ອາດເປັນເອກະລາດ ຫຼື ປະສານສົມທົບກັບ ບັນດາອົງການທີ່ກ່ຽວຂ້ອງດຳເນີນການກວດກາ, ກວດກາໂຄງການປະຈຳໄຕມາດ (6 ເດືອນ ຕໍ່ 1 ຄັ້ງ) ຫຼື ແບບກະທັນຫັນ.

7.2. ໃນແຕ່ລະປີ ແລະ ພາຍຫຼັງ ທີ່ໂຄງການສຳເລັດແລ້ວ, ບົນພື້ນຖານຄວາມເປັນເອກະພາບກັບຝ່າຍຫວຽດນາມ, ຝ່າຍລາວ ຄັດເລືອກເອົາອົງການກວດສອບບັນຊີສາກົນ ທີ່ເປັນເອກະລາດ ເພື່ອກວດສອບການນຳໃຊ້ບັນຊີສະເພາະ ແລະ ນຳສົ່ງບົດລາຍງານການກວດສອບບັນຊີ ໃຫ້ກະຊວງການເງິນຫວຽດນາມ ແລະ ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມື ຫວຽດນາມ-ລາວ ເພື່ອຕິດຕາມ. ບົດລາຍງານການກວດສອບບັນຊີງວດສຸດທ້າຍ ຈະໄດ້ນຳສົ່ງໃຫ້ຝ່າຍຫວຽດນາມ ຊ້າສຸດບໍ່ໃຫ້ກາຍ 06 ເດືອນ ພາຍຫຼັງສຳເລັດໂຄງການ.

ຄ່າໃຊ້ຈ່າຍໃນການກວດສອບບັນຊີ ແມ່ນຕ້ອງໄດ້ຄິດໄລ່ເຂົ້າໃນມູນຄ່າໂຄງການ ທີ່ໄດ້ຮັບຮອງອະນຸມັດ ໃຫ້ນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫຼືອ.

ພາກທີ IV

ການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ

ຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ ມີຜົນສັກສິດນັບແຕ່ມື້ລົງລາຍເຊັນເປັນຕົ້ນໄປ ໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດ ຫາກມີຂໍ້ຫຍຸ້ງຍາກຂ້ອງຄາ, ສອງຝ່າຍ ຈະຮ່ວມກັນປຶກສາຫາລືມາດຕະການແກ້ໄຂ ເພື່ອໃຫ້ໂຄງການໄດ້ຮັບການຈັດຕັ້ງຜັນຂະຫຍາຍຢ່າງສະດວກ ແລະ ມີຜົນສຳເລັດ. ຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ ຈະສິ້ນສຸດຜົນບັງຄັບໃຊ້ ພາຍຫລັງ ໂຄງການໄດ້ສຳເລັດ, ມອບ-ຮັບ ແລະ ເອົາເຂົ້າສູ່ການນຳໃຊ້, ປະກອບເອກະສານຊຳລະສະສາງຂາດຕົວໃຫ້ຄົບຖ້ວນ ແລະ ໝົດກຳນົດໄລຍະຄ້ຳປະກັນຂອງໂຄງການ.

ຂໍ້ຕົກລົງສະບັບນີ້ ເຮັດຂຶ້ນ ທີ່ນະຄອນຫລວງວຽງຈັນ, ສປປ ລາວ ວັນທີ 27 ທັນວາ 2015 ເປັນ 02 (ສອງ) ສະບັບຕົ້ນ, ພາສາຫວຽດ ແລະ ພາສາລາວ, ແຕ່ລະຝ່າຍ ເກັບຮັກສາ 01 ສະບັບ. ທັງສອງສະບັບ ລ້ວນແຕ່ມີຄຸນຄ່າເທົ່າທຽມກັນ.

ຕາງໜ້າລັດຖະບານ ແຫ່ງ	**ຕາງໜ້າລັດຖະບານ ແຫ່ງ**
ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ	**ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ**
ຫງວຽນ ຈີ໋ ຢຸງ	**ຄຳເພີ ແກ້ວກົມມະລິ**
ລັດຖະມົນຕີຊ່ວຍວ່າການກະຊວງແຜນການ ແລະ ການລົງທຶນ, ຮອງປະທານ ຄະນະກຳມະການຮ່ວມມືຫວຽດນາມ-ລາວ	**ຮອງປະທານຄະນະກຳມະການຮ່ວມມືລາວ-ຫວຽນາມ**